

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HẢI
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2023/DS-ST

Ngày: 15 – 9 – 2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng mua bán”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HẢI, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Ghét

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tịnh

2. Bà Đỗ Kim Phụng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Kha, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Châu Hoa Đăng – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2022/TLST–DS ngày 17 tháng 5 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Xuân H – chủ hộ kinh doanh Tân Quang Minh

Địa chỉ: Ấp Hòa I, xã Long Điền, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo uỷ quyền: Chị Lê Thị Ngọc T, sinh năm 1995

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng

Bị đơn: Ông Tạ Vũ Đ, sinh năm 1975

Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1977

Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị Lê Thị Ngọc T có đơn xin vắng mặt, ông Tạ Vũ Đ, bà Nguyễn Thị T1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/4/2023, tại bản tự khai, quá trình làm việc đại diện nguyên đơn trình bày:

Từ năm 2022 giữa ông Lê Xuân H – chủ hộ kinh doanh Tân Quang M và Tạ Vũ Đ, bà Nguyễn Thị T1 có ký kết hợp đồng mua bán thức ăn và thuốc thủy sản với nhau. Trong quá trình giao dịch Hộ kinh doanh Tân Quang M đã giao

thức ăn tôm và thuốc thủy sản theo đơn đặt hàng cho ông Tạ Vũ Đ, bà Nguyễn Thị T1. Phương thức thanh toán là khi thu hoạch tôm thì ông Tạ Vũ Đ, bà Nguyễn Thị T1 có nghĩa vụ thanh toán dứt điểm công nợ cho hộ kinh doanh T2, chậm nhất là 01 ngày kể từ ngày thu vụ tôm cuối.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng thì ông Tạ Vũ Đ, bà Nguyễn Thị T1 có thanh toán công nợ cho H1 kinh doanh Tân Quang M nhưng không dứt nợ. Ngày 18/9/2022 Ông Đ, bà T1 thu hoạch tôm. Đến ngày 20/9/2022 thì hộ kinh doanh Tân Quang M và ông Đ, bà T1 có đối chiếu nợ với nhau, theo đó tổng số tiền mà ông Đ và bà T1 nợ Tân Quang M là 151.574.000 đồng; Ông Đ, bà T1 đã trả được số tiền 70.000.000 đồng; như vậy ông Đ, bà T1 còn nợ lại là 81.574.000 đồng. Việc đối chiếu nợ được ghi vào sổ giao nhận hàng hoá. Cùng ngày 20/9/2022 thì H1 kinh doanh Tân Quang M và ông Tạ Vũ Đ, bà Nguyễn Thị T1 có ký “Cam kết thanh toán”. Ông Đ cam kết sẽ thanh toán nợ cho Tân Quang M khi thu hoạch các ao tôm khác.

Sau đó Tân Quang M vẫn tiếp tục cung cấp thức ăn, thuốc thủy sản cho ông Đ, bà T1. Tuy nhiên sau khi ông Đ, bà T1 thu hoạch các ao tôm khác thì ông Đ, bà T1 không thực hiện thanh toán các khoản nợ cho Tân Quang M.

Ngày 24/10/2022 thì ông Tạ Vũ Đ, bà Nguyễn Thị T1 trả một số hàng hoá và căn trừ vào số tiền còn nợ; Căn cứ vào sổ giao nhận hàng hoá thì tính đến ngày 24/10/2022 thì ông Đ, bà T1 còn nợ Tân Quang M số tiền 104.012.000 đồng. Đồng thời, giữa Tân Quang M và ông Tạ Vũ Đ, bà Nguyễn Thị T1 ký đối chiếu công nợ. Tổng số tiền mà ông Tạ Vũ Đ và bà Nguyễn Thị T1 còn nợ Tân Quang M là 104.012.000 đồng.

Nay ra Tòa ông Lê Xuân H – chủ hộ kinh doanh Tân Quang M yêu cầu ông Tạ Vũ Đ và bà Nguyễn Thị T1 trả số tiền nợ gốc là 104.012.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 24/10/2022 đến ngày 24/4/2023 (lãi suất 0,83%/tháng) là 5.179.797 đồng và tiền là chậm trả trong giai đoạn thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 bộ luật dân sự.

Ông Tạ Vũ Đ và bà Nguyễn Thị T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và đề nghị:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt; căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự giải quyết vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Xuân H – Chủ hộ kinh doanh Tân Quang M. Buộc ông Tạ Vũ Đ, bà Nguyễn Thị T1 trả cho ông Lê Xuân H – Chủ hộ kinh doanh Tân Quang M số tiền nợ gốc là 104.012.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 24/10/2022 đến ngày 24/4/2023 (lãi suất 0,83%/tháng) là 5.179.797 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán trong giai đoạn thi hành án.

- Về án phí: Buộc ông Tạ Vũ Đ và bà Nguyễn Thị T1 phải nộp số tiền án phí có giá ngạch theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Ông Lê Xuân H – Chủ hộ kinh doanh T2 khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán đối với bị đơn ông Tạ Vũ Đ và bà Nguyễn Thị T1 cư trú tại ấp M, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải.

Nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Nguyên đơn yêu cầu vợ chồng ông Tạ Vũ Đ, bà Nguyễn Thị T1 phải thanh toán số tiền gốc là 104.012.000 đồng; Hội đồng xét xử thấy rằng: Từ năm 2022, Hộ kinh doanh T2 nhiều lần bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản cho ông Tạ Vũ Đ, bà Nguyễn Thị T1, địa chỉ ấp M, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. Các bên có lập hợp đồng mua bán và có sổ theo dõi công nợ. Đến ngày 24/10/2022, giữa Hộ kinh doanh Tân Quang M và ông Tạ Vũ Đ, bà Nguyễn Thị T1 có lập bảng đối chiếu công nợ với nội dung “số dư công nợ là 104.012.000 đồng”.

Như vậy, quan hệ mua bán thuốc thủy sản và thức ăn nuôi tôm giữa ông Lê Xuân H – chủ hộ kinh doanh Tân Quang M và ông Tạ Vũ Đ, bà Nguyễn Thị T1 là hợp đồng mua bán tài sản được quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự. Mặt khác, trên thực tế ông Tạ Vũ Đ, bà Nguyễn Thị T1 đã mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản của H1 kinh doanh Tân Quang M đã diễn ra từ ngày 29/6/2022, thể hiện ở sổ theo dõi công nợ có chữ ký của ông Tạ Vũ Đ, bà Nguyễn Thị T1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng thì ông Tạ Vũ Đ, bà Nguyễn Thị T1 có thanh toán một phần công nợ cho hộ kinh doanh Tân Quang M, đến ngày 24/10/2022 thì ông Tạ Vũ Đ, bà Nguyễn Thị T1 không thanh toán tiếp công nợ cho H1 kinh doanh Tân Quang M nữa. Tại bản đối chiếu công nợ mà các bên đã xác lập với nhau thì ông Tạ Vũ Đ, bà Nguyễn Thị T1 đã xác nhận còn nợ H1 kinh doanh Tân Quang M với số tiền 104.012.000 đồng. Do đó, ông Tạ Vũ Đ, bà Nguyễn

Thị T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền mà các bên đã thỏa thuận trong quá trình mua bán với nhau được quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự. Vì vậy, việc ông Lê Xuân H – chủ hộ kinh doanh Tân Quang M khởi kiện số tiền 104.012.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 430, khoản 1 Điều 440; Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét yêu cầu tính lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ từ ngày 24/10/2022 đến ngày 24/4/2023 của ông Lê Xuân H – Chủ hộ kinh doanh Tân Quang M, Hội đồng xét xử thấy rằng do ông Tạ Vũ Đ, bà Nguyễn Thị T1 không thực hiện đúng theo thỏa thuận nên ông Lê Xuân H – Chủ hộ kinh doanh Tân Quang M yêu cầu tính lãi suất của số tiền nợ nêu trên theo quy định pháp luật là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 440 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận. Do các bên không thỏa thuận với nhau về mức lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ Luật dân sự là 10%/năm (0,83%/tháng).

Thời điểm ông Tạ Vũ Đ, bà Nguyễn Thị T1 vi phạm thỏa thuận là từ ngày 24/10/2022 đến ngày 24/4/2023 là 6 tháng. Lãi suất được tính như sau: 104.012.000 đồng x 0,83%/tháng x 6 tháng = 5.179.797 đồng

[3] Những phân tích, nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Tạ Vũ Đ, bà Nguyễn Thị T1 phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Xuân H – Chủ hộ kinh doanh Tân Quang M đối với ông Tạ Vũ Đ, bà Nguyễn Thị T1.

Buộc ông Tạ Vũ Đ, bà Nguyễn Thị T1 trả cho của ông Lê Xuân H – Chủ hộ kinh doanh Tân Quang M số tiền 109.191.797 đồng (trong đó nợ gốc 104.012.000 đồng, lãi chậm trả là 5.179.797 đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền,

hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Buộc ông Tạ Vũ Đ và bà Nguyễn Thị T1 phải chịu án phí sơ thẩm là 5.459.589 đồng.

Ông Lê Xuân H – chủ hộ kinh doanh Tân Quang M đã nộp tạm ứng án phí số tiền 2.729.000 đồng theo biên lai thu tiền tại ứng án phí, lệ phí số 0000202 ngày 17/5/2023 được hoàn lại toàn bộ số tiền đã nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Đông Hải;
- Cơ quan THA huyện Đông Hải;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu: HS; VT-TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thị Mỹ Ghét